

Bản án số: 17/2018/DS-PT
Ngày 23 - 01 – 2018
V/v tranh quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn U, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp Z, xã W, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1937; cư trú tại: Ấp Z, xã W, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp Z, xã W, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2017) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1929 (vắng mặt).

3.2. Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1948 (vắng mặt).

3.3. Bà Lý Thị P1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

3.4. Bà Trà Thị S1, sinh năm 1941 (vắng mặt).

3.5. Ông Võ Văn N, sinh năm 1972 (có mặt).

3.6. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).

- 3.7. Anh Võ Văn N1, sinh năm 2000 (vắng mặt).
- 3.8. Chị Võ Thị Nhã P2, sinh năm 2006 (vắng mặt).
- Cùng cư trú tại: Ấp Ấp Z, xã W, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.
- Người đại diện theo ủy quyền của của bà Trà Thị S1:* Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp Z, xã W, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 18/12/2017) (có mặt).
- 3.9. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp MB, xã TĐ, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).
- 3.10. Anh Huỳnh Chí L1, sinh năm 1975; cư trú tại: Khóm M, phường MO, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).
- 3.11. Chị Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1976 (vắng mặt).
- 3.12. Ông Tô Minh C2, sinh năm 1954 (vắng mặt).
- 3.13. Bà Tô Thị N2, sinh năm 1974 (vắng mặt).
- 3.14. Bà Tô Thị H1, sinh năm 1977 (vắng mặt).
- 3.15. Chị Tô Thị D, sinh năm 1980 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp LT, thị trấn PL, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- 3.16. Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp B, xã W, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).
- 3.17. Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp TA, xã VT, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).
- 3.18. Anh Huỳnh Văn N3, sinh năm 1994 (vắng mặt).
- 3.19. Anh Huỳnh Văn N4, sinh năm 1997 (vắng mặt).
- Cùng cư trú tại: Ấp MB, xã TĐ, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
- 3.20. Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1991 (vắng mặt).
- 3.21. Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt).
- 3.22. Anh Huỳnh Tấn K, sinh năm 2003 (vắng mặt).
- Cùng cư trú tại: Ấp B, xã W, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- 3.23. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- Trụ sở: Ấp HC, thị trấn PL, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P:* Ông Phạm Thanh H3, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).
- 3.24. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN
- Địa chỉ: Số 02, LH, Quận BĐ, Thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN:* Ông Hà Minh T3, Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 14/9/2017) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Huỳnh Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Huỳnh Văn U đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị S, ông Huỳnh Ngọc L, bà Nguyễn Thị H, anh Huỳnh Chí L1, chị Nguyễn Ngọc T, ông Tô Minh C2, bà Tô Thị N2, bà Tô Thị H1, bà Tô Thị D, bà Huỳnh Thị

M, bà Huỳnh Thị H2, anh Huỳnh Văn N3, anh Huỳnh Văn N4, bà Lý Thị P1, anh Huỳnh Văn T2, anh Huỳnh Văn Đ và anh Huỳnh Tấn K trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà cho lại cha mẹ ông là Huỳnh Văn P2 và bà Phạm Thị S, sau đó cho lại ông. Phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.500m², có chiều ngang khoảng 46m-47m, giáp ranh là đất của ông Phạm Văn C. Giữa đất của ông và ông C trước đây giáp ranh với nhau là cái bờ, hai bên có hai cái địa thì bờ địa làm ranh, cái bờ khoảng 06m, nhưng của bên gia đình ông là 04m. Trên bờ địa gia đình ông có trồng hàng trúc đến khoảng hơn 20 năm thì hàng trúc đã không còn, sau này bên gia đình ông C đã san lấp cái địa và chiếm luôn phần bờ của gia đình ông. Vào năm 2001, giữa ông, mẹ ông và ông C có tranh chấp phần ranh đất thì chính quyền địa phương có giải quyết, các bên đã thống nhất cắm trụ đá làm ranh, trụ đã được cắm ngay tim cầu đối diện, khi cắm trụ đá thì chính quyền địa phương cùng các bên cắm, phía sau thì cắm bằng cây, từ phía trước chạy thẳng ra phía sau. Năm 2012, ông C đã di chuyển trụ đá về phía diện tích đất của gia đình ông, nay đo từ trụ đá sang giữa cây cầu là 1,7m. Còn phía sau này có một trụ đá cắm từ khi nào thì gia đình ông không hay biết. Việc ông C di chuyển trụ đá gia đình ông cũng không hay biết. Nay ông yêu cầu ông C phải trả cho gia đình ông diện tích đất có chiều ngang 3,5m; chiều dài 55m mà ông C đã lấn chiếm của gia đình ông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị S1 là ông Phạm Văn C1 trình bày: Giữa đất của gia đình ông và gia đình ông U từ trước đến nay đã có ranh đất cụ thể, cách nhau bằng một con mương, trên bờ mương bên gia đình ông U có trồng cây bình bác, cây tạp làm ranh sử dụng ổn định từ trước đến nay. Cha ông là ông Phạm Văn C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996. Khoảng năm 1998, ông C đã cho anh N và chị T cất nhà trên đất ở cho đến nay, việc cho ở trên đất chỉ nói miệng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, hiện đất vẫn do ông C đứng tên. Năm 2001, giữa hai bên không có tranh chấp mà thỏa thuận cắm ranh đất bằng trụ đá giữa hai bên gia đình chứng kiến và cắm 04 trụ đá dọc ranh đất, trùng vào hàng cây của gia đình ông U trồng làm ranh. Đến năm 2011, do làm lộ xe ủi làm xiên cây trụ đá giáp lộ, thì ông U kêu chính quyền địa phương xuống để xác định lại ranh đất. Khi đó, chính quyền địa phương chứng kiến việc thỏa thuận cắm lại trụ đá phía giáp lộ và có lập biên bản, khi đó ông đổ đá ngào xuống phía dưới trụ đá để chắc chắn. Nay ranh đất vẫn còn, cây do gia đình ông U trồng vẫn còn và gia đình ông sử dụng đất ổn định nên ông Cảnh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N, bà Phạm Thị T thống nhất trình bày: Phần đất ông N và bà T đang sử dụng được cha mẹ cho ở từ năm 1998 đến nay, đất có chiều ngang 07m, ông bà cất nhà chiều ngang 4,5m. Ông U tranh chấp diện tích đất là hơn phân nửa căn nhà của vợ chồng ông bà. Nay, ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn N1, chị Võ Thị Nhã P2 trình bày: Anh, chị thống nhất lời trình bày của cha mẹ anh chị là ông Võ Văn N và bà Phạm Thị T.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN là ông Hà Minh T3 trình bày: Vào ngày 01/12/2004, ông C có vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 29/11/2009, để vay số tiền trên ông C đã thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E941388 cấp ngày 02/01/1999 và số U942715 cấp ngày 13/5/2002. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã trả được 29.950.000 đồng và lãi 50.000 đồng, nay số tiền lãi còn lại là 46.492.983 đồng. Trong trường hợp, diện tích đất tranh chấp Tòa án giải quyết đất là của ông C thì Ngân hàng không yêu cầu gì đối với khoản nợ vay này, trường hợp đất không phải của ông Cảnh thì Ngân hàng yêu cầu ông C trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản nợ đã vay.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P trình bày: Ông H3 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông U về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cảnh theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên tại Bản án số: 43/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U đòi ông Phạm Văn C trả quyền sử dụng đất diện tích 192,40m² thuộc thửa số 16, 20, tờ bản đồ số 05 (bản đồ 323); thửa số 103, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299) do ông Phạm Văn C đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Z, xã W, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Cạnh hướng Đông giáp lộ Liên ấp Z có số đo 3,5m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn G đang quản lý, sử dụng, có số đo 3,5m.

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Phạm Văn C do bà Phạm Thị T và ông Võ Văn N đang quản lý, sử dụng, có số đo 55m.

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của gia đình ông Huỳnh Văn U đang quản lý, sử dụng (đường mương chạy dài), có số đo 55m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn U yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn C số E 914388 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 02/01/1996 đối với thửa 103 tờ bản đồ số 08.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, định giá đất tranh chấp và chi phí thu thập tài liệu chứng cứ; án phí sơ thẩm; áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn ông Huỳnh Văn U kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông, buộc ông Phạm Văn C trả lại cho ông diện tích đất có chiều ngang 3,5m, chiều dài 55m.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Văn U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ông Huỳnh Văn U xác định vào ngày 15 tháng 6 năm 2012 chính quyền địa phương có lập biên bản và cạy trụ đá giữa tim cầu để làm ranh, sự việc này có ông Hồ Hải Huê biết. Tại lời khai của ông Hồ Hải H4 ngày 12 tháng 7 năm 2017 (Bút Lục 184 - 185) thể hiện ông H4 không trực tiếp chứng kiến việc cạy trụ đá làm ranh giữa các bên; trong hai trụ đá thì cây trụ đá phía trước lộ được cạy có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông U. Tuy nhiên, ông H4 không trực tiếp chứng kiến việc cạy ranh nên lời khai của ông H4 không được xem là chứng cứ. Bên cạnh đó, tại các biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn Ch, ông Lê Văn L2 (Bút Lục từ 186 đến 191) cùng ngày 12 tháng 7 năm 2017 thể hiện các ông đều xác định phần đất giữa ông U và ông C nằm giáp với nhau, hai bên có trồng hàng bình bát để phân ranh, ngoài hàng bình bát thì ranh đất còn có 04 trụ đá, sau khi làm lộ thì trụ đá trên lộ bị nghiêng nên ông U và ông C có mời chính quyền địa phương đến chứng kiến việc hai bên thỏa thuận cạy lại trụ đá, khi đó có lập biên bản, các ông có chứng kiến và ký tên vào biên bản thỏa thuận, việc cạy trụ đá đúng như hiện trạng ban đầu.

[3] Lời khai của những người làm chứng gồm ông G, ông Ch, ông L2 phù hợp với nội dung biên bản thỏa thuận về việc cạy trụ đá làm ranh ngày 15 tháng 6 năm 2012 (Bút Lục 14, 15) và Công văn số 08/CV-TL ngày 24 tháng 8 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã W (Bút Lục 169) thể hiện vào năm 2001 Ủy ban nhân dân xã có hòa giải việc tranh chấp giữa bà Phạm Thị S (mẹ ông U) với ông Phạm Văn C, hòa giải thành và cạy trụ đá đúng như hiện trạng ranh đất hiện nay, việc ông U xác

định ông C di dời trụ đá về phía đất ông U là không có căn cứ, vì trụ đá cắm từ trước đến nay vẫn còn nguyên hiện trạng. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông U xác định ông C di dời trụ đá lấn đất của ông.

[4] Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2017 (Bút Lục 177 -178) anh Võ Văn N và chị Phạm Thị T đều xác định anh chị cất nhà trên đất tranh chấp vào năm 1998, đất là do ông C cho vợ chồng anh chị. Khi anh chị cất nhà (lúc đầu là nhà lá) cũng như khi anh chị xây lại nhà kiên cố như hiện nay thì ông Út không ngăn cản. Tại biên bản xem xét, thẩm định đất tranh chấp ngày 15 tháng 6 năm 2017 (Bút Lục 129) ông U xác định trên phần đất nương giáp với đất tranh chấp có nhiều loại cây như bình bát, mù u, nhào, các loại cây này là do ông trồng khoảng trên 20 năm. Tuy nhiên, anh N, chị T cất nhà và quản lý, sử dụng đất nhưng ông U không ngăn cản và thực tế ông U cũng không có thời gian sử dụng phần đất tranh chấp này thể hiện qua việc ông chỉ trồng cây làm hàng ranh trên phần đất nương của ông.

[5] Ngoài ra, theo Công văn số 1000/UBND ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (Bút Lục 172) xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn C tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 08 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn P2 tại thửa 102, 103 tờ bản đồ 08 là thực hiện theo bản đồ 299 (bản đồ không ảnh), không đo đạc thực địa. Ủy ban nhân dân huyện không thụ lý, giải quyết yêu cầu nào liên quan đến hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C là đúng quy định. Tại bản trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 26 tháng 6 năm 2017 (Bút Lục 132) Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P xác định phần đất tranh chấp 192,40m² nằm trong thửa số 16, 20 do ông Phạm Văn C đứng tên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông U là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn U, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 43/2017DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm ông Huỳnh Văn U phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai; Khoản 3 Điều

26, điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn U. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U đối với ông Phạm Văn C đòi quyền sử dụng đất diện tích 192,40m² thuộc thửa số 16, 20, tờ bản đồ số 05 (bản đồ 323); thửa số 103, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 299) do ông Phạm Văn C đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Z, xã W, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Cạnh hướng Đông giáp lộ Liên ấp Z có số đo 3,5m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn G đang quản lý, sử dụng, có số đo 3,5m.

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Phạm Văn C do bà Phạm Thị T và ông Võ Văn N đang quản lý, sử dụng, có số đo 55m.

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của gia đình ông Huỳnh Văn U đang quản lý, sử dụng (đường mương chạy dài), có số đo 55m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn U yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn C số E 914388 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 02 tháng 01 năm 1996 đối với thửa số 103, tờ bản đồ số 08.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá đất tranh chấp và chi phí thu thập tài liệu chứng cứ là 1.325.000 đồng, ông Huỳnh Văn U phải chịu toàn bộ, ông Huỳnh Văn U đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Huỳnh Văn U phải chịu 300.000 đồng. Ông Huỳnh Văn U đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009806 ngày 09 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, ông Huỳnh Văn U được nhận lại 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn U phải chịu 300.000 đồng. Ông Huỳnh Văn U đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010281 ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều